

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

DANH SÁCH BỆNH NHÂN PHẢI ĐIỀU TRỊ NHIỄM COVID-19 (F0) TẠI BỆNH VIỆN PHỔI PHẠM HỮU CHÍ (ĐỢT 2)

(Đính kèm Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều, cách ly	Thành tiền NQ79 (30,000/ngày)	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	06	07	8	9=8*30.000 đ/ngày	
1	NGUYỄN THỊ KIM OANH		1959	THẠCH SƠN 3, PHƯỚC TÂN, XUYỀN MỘC	11/01/2022	20/01/2022	10	300,000	
2	NGUYỄN GIA KHANG	2011		F31 TỎ 7, PHƯỚC THIÊN, PHƯỚC TỈNH, LONG ĐIỀN	30/12/2021	1/12/2022	12	360,000	
3	TRẦN MINH ĐÀO	1954		KP XÓM RẦY, TT PHƯỚC BŨU, HUYỆN XUYỀN MỘC, BRVT	31/12/2021	1/9/2022	9	270,000	
4	NGUYỄN THỊ LOAN		1954	ẤP 2 XÃ HOÀ BÌNH, HUYỆN XUYỀN MỘC, BRVT	31/12/2021	1/9/2022	9	270,000	
5	LÂM HỒNG CHINH		1965	F21 TỎ 13, PHƯỚC LỢI, PHƯỚC TỈNH, LONG ĐIỀN	30/12/2021	1/8/2022	8	240,000	
6	HUỲNH VĂN HIẾU	1964		53/36 NGUYỄN THỊ ĐỊNH, PHƯỜNG PHƯỚC NGUYỄN, TP. BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	23/12/2021	1/5/2022	5	150,000	
7	CAO DUY KHANG	1999		KHU PHỐ 4, P. PHƯỚC TRUNG, TP. BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	23/12/2021	1/5/2022	5	150,000	
8	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG		1960	KHU PHỐ HẢI TRUNG, XÃ PHƯỚC HẢI, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/5/2022	5	150,000	
9	TRỊNH THỊ KIM PHÚC		1961	34/4, BẮC SƠN, P 11, TP VŨNG TÀU, TỈNH BRVT	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
10	TRẦN NHẬT QUANG	1975		TỎ 10, KHU PHỐ HƯƠNG SƠN, P. LONG HƯƠNG, TP BÀ RỊA, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
11	NGUYỄN PHƯƠNG LOAN		1969	18B, PHẠM VĂN BẠCH, KHU PHỐ 3, P. LONG TOÀN, TP. BÀ RỊA, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
12	NGUYỄN THỊ LOAN		1970	53/27, NGUYỄN THỊ ĐỊNH, PHƯỜNG LONG TOÀN, TP. BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	

13	TRẦN THỊ KHOAI		1958	THANH TÂN, THỊ TRẤN ĐẤT ĐỎ, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
14	NGUYỄN THỊ NỮA		1954	HẢI PHÚC, XÃ PHƯỚC HẢI, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
15	MẠCH VĂN BỒ	1953		PHƯỚC LỢI, PHƯỚC HỘI, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
16	NGUYỄN THỊ LỆ THU		1974	HẢI PHÚC, XÃ PHƯỚC HẢI, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BRVT	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
17	ĐẶNG HOÀNG CƯỜNG	1984		HẸM 674, ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8, P. LONG TOÀN, TP. BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	23/12/2021	1/1/2022	1	30,000	
18	Trần Thị Mỹ Kim		1958	Tổ 8 ấp An Thạnh xã An Ngãi, huyện Long Điền	20/12/2021	09/01/2022	9	270,000	
19	TRẦN HỮU HOÀI	1985		51, NGUYỄN HIỂN, P2, TP VŨNG TÀU, TỈNH BRVT	21/12/2021	10/01/2022	10	300,000	
20	CHÂU THỊ LAN		1963	PHƯỚC HIỆP, TÂN HÒA, PHÚ MỸ	29/12/2021	1/7/2022	7	210,000	
21	NGUYỄN PHƯỚC THỌ	1969		TRƯỜNG CÔNG ĐÌNH, PHƯỜNG 7, TPVT	1/21/2022	1/28/2022	8	240,000	
22	BÙI NGỌC PHONG	1985		B908, SÀI GÒN RESTOWER,P THẮNG TAM, TPVT	1/18/2022	1/27/2022	10	300,000	
23	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG		1959	ẤP PHƯỚC LĂNG, TAM PHƯỚC, LONG ĐIỀN	1/18/2022	1/27/2022	9	270,000	
24	HÀ THỊ THƯƠNG		1959	PHÚ BÌNH, HÒA HIỆP, XUYỀN MỘC	1/17/2022	1/26/2022	10	300,000	
25	BÙI THỊ HẰNG		1969	C7 VÕ CHÍ CÔNGKhang LINH, PHƯỜNG 10, TPVT	1/21/2022	1/26/2022	7	210,000	
26	NGUYỄN THỊ TUYẾT		1963	ẤP THANH SƠN 3, PHƯỚC TÂN, XUYỀN MỘC	1/17/2022	1/26/2022	10	300,000	
27	NGUYỄN THỊ CÚC		1960	TỔ 9, PHƯỚC THỌ, PHƯỚC HƯNG, LONG ĐIỀN	1/19/2022	1/28/2022	10	300,000	
28	NGUYỄN THỊ KIỀU		1962	ẤP BÀU HÀM, TÂN LÂM, XUYỀN MỘC	1/17/2022	1/26/2022	10	300,000	
29	ĐOÀN CHÍ XUÂN	1942		ẤP PHƯỚC HƯƠNG, PHƯỚC TỈNH, LONG ĐIỀN	1/17/2022	1/26/2022	10	300,000	
30	TRẦN CHÍ TRUNG		1975	PHƯỜNG PHƯỚC NGUYỄN, THÀNH PHỐ BÀ RỊA	1/9/2022	1/19/2022	11	330,000	
31	ĐỖ THỊ KIM THOA		1967	65/7A BÌNH GIÃ, PHƯỜNG 8, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU.	1/17/2022	27/01/2022	10	300,000	
32	NGUYỄN THỊ ĐÔNG		1931	65/7A BÌNH GIÃ, PHƯỜNG 8, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU.	1/17/2022	1/28/2022	10	300,000	
33	PHẠM THỊ TƠ		1961	THẠNH SƠN, PHƯỚC BỬU, XUYỀN MỘC	1/19/2022	1/28/2022	10	300,000	

34	TRẦN PHÚC DUỆ	1964		PHƯỚC HÒA, PHƯỚC BỬU, XUYỀN MỘC	1/19/2022	1/28/2022	10	300,000	
35	TÔN ĐỨC TƯỜNG	1945		412/30/19B, LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG THẮNG TAM, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU.	1/18/2022	1/28/2022	11	330,000	
36	VŨ VĂN NGHỊ	1959		TỔ 9, PHƯỚC THỌ, PHƯỚC HƯNG, LONG ĐIỀN	1/19/2022	1/28/2022	10	300,000	
37	PHÙNG NHẬT TIẾN	2004		C7 VÕ CHÍ CÔNG KHANG LINH, PHƯỜNG 10, TPVT	1/21/2022	1/26/2022	7	210,000	
38	NGUYỄN HỮU HÀO	1957		PHÚ BÌNH, HÒA HIỆP, XUYỀN MỘC	1/17/2022	29/01/2022	10	300,000	
39	PHẠM VIỆT PHỐ	1998		110 NGUYỄN THỊ ĐỊNH, P PHƯỚC NGUYỄN, TP BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	21/12/2021	10/01/2022	10	300,000	
40	VY THỊ HIỆP		1963	TỔ 1, CẦU RI, XÃ SÔNG XOÀI, TX PHÚ MỸ, TỈNH BRVT	22/12/2021	11/01/2022	11	330,000	
41	LÊ NGỌC DŨNG	1962		TỔ 4, ẤP 2, TÓC TIỀN, PHÚ MỸ	29/12/2021	1/7/2022	7	210,000	
42	PHẠM THỊ PHƯƠNG		1964	TỔ 11, PHƯỚC SƠN, PHƯỚC HÒA, PHÚ MỸ	29/12/2021	1/7/2022	7	210,000	
43	VŨ THẾ HIỂN	1996		TỔ 1, SUỐI NHUM, HẮC DỊCH, PHÚ MỸ	29/12/2021	1/7/2022	7	210,000	
44	NGUYỄN HỒNG NHẬT	1981		51, Nguyễn Hiền, Phường 2, Tp Vũng Tàu, tỉnh BRVT	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
45	NGUYỄN THỊ BÊ		1965	780/11/18/4 BÌNH GIÃ, P11, TP VŨNG TÀU	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
46	ĐOÀN THỊ THANH NGA		1976	TỔ 5, NÚI DINH, KIM DINH, TP BÀ RỊA, TỈNH BRVT	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
47	LÊ THỊ THANH		1972	67/5 BẮC SƠN, P11, TP VŨNG TÀU, TỈNH BRVT	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
48	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1963		780/11/18/4 BÌNH GIÃ, P11, TP VŨNG TÀU, TỈNH BRVT	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
49	NGUYỄN THỊ NGA		1968	888/124/20 ĐƯỜNG 30/04 PHƯỜNG 11, TP VŨNG TÀU, TỈNH BRVT	21/12/2021	1/3/2022	3	90,000	
50	TRẦN ĐĂNG KIÊN	1964		211C, LƯU CHÍ HIẾU, P10, TP VŨNG TÀU, TỈNH BRVT	22/12/2021	1/4/2022	4	120,000	
51	NGUYỄN THỊ XUÂN		1963	988/55 ĐƯỜNG 30/04 KP 3- PHƯỜNG 11 TPVT-BRVT	22/12/2021	1/4/2022	4	120,000	
52	LÊ KHẮC THỊNH	1962		TÂN LỄ A CHÂU PHA- PHÚ MỸ	26/12/2021	1/4/2022	4	120,000	
53	NGUYỄN VĂN HÙNG	1990		888/34 ĐƯỜNG 30/4 PHƯỜNG 11-TPVT- BRVT	22/12/2021	1/4/2022	4	120,000	
54	PHẠM NHÂM	1952		KHA VẠN CÂN, LONG TÂM, TP BÀ RỊA, TỈNH BRVT	27/12/2021	1/5/2022	5	150,000	

55	NGUYỄN THỊ LỆ PHƯƠNG		1959	TỔ 5, TÂN LỄ A, CHÂU PHA, PHÚ MỸ	29/12/2021	1/7/2022	7	210,000	
56	CAO THỊ NGUYỄN		1968	TỔ 11, LÁNG CÁT, TÂN HẢI, PHÚ MỸ	29/12/2021	1/7/2022	7	210,000	
57	LÊ THỊ HẢI YẾN		1977	TỔ 3 ẤP PHƯỚC TÂN, PHƯỜNG PHƯỚC HƯNG TP BÀ RỊA	1/8/2022	1/17/2022	10	300,000	
58	LÊ THỊ QUYẾT		1963	TỔ 10 KHU PHỐ HẢI HÀ 2, TT LONG HẢI, LONG ĐIỀN	1/9/2022	1/19/2022	11	330,000	
59	LÊ XUÂN SƠN	1957		THẠCH SƠN 3, PHƯỚC TÂN, XUYỀN MỘC	1/11/2022	1/20/2022	10	300,000	
60	NGUYỄN MINH LONG	1965		BÀU HÀM, TÂN LÂM, XUYỀN MỘC	1/14/2022	1/23/2022	10	300,000	
61	NGUYỄN THỊ ĐỒNG		1955	Ấp 6 HÒA BÌNH, XUYỀN MỘC	1/14/2022	24/01/2022	10	300,000	
62	LÊ VĂN THUỐC	1964		KP PHƯỚC HÒA, PHƯỚC BỬU, XUYEN MỘC	1/15/2022	1/24/2022	10	300,000	
63	MAI XUÂN NHỮNG	1965		KP HẢI HÒA, TT LONG HẢI, LONG ĐIỀN	1/15/2022	1/24/2022	10	300,000	
64	LÊ TẤN THÀNH	1966		TỔ 7, PHƯỚC LỘC, PHƯỚC HƯNG, LONG ĐIỀN	1/16/2022	1/25/2022	10	300,000	
65	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		1967	LONG AN, THỊ TRẦN LONG ĐIỀN, LONG ĐIỀN	1/20/2022	1/24/2022	4	120,000	
66	NGUYỄN THỊ TRINH		1974	PHƯỚC THIỆN, PHƯỚC TỈNH, LONG ĐIỀN	1/10/2022	1/14/2022	5	150,000	
	TỔNG							13,740,000	